

Bản án số: **18** /2018/ DS-ST.

Ngày 15/11 /2018

V/v tranh chấp hợp đồng

Vay tài sản.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUỲ HỢP – TỈNH NGHỆ AN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thị Nghệ

Các hội thẩm nhân dân: 1. Bà Nguyễn Lê Vinh Hương
2. Ông Hồ Xuân Hùng

Thư ký tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà Trương Thị Thu Hà – Thư ký,
Toà án nhân dân huyện Quỳnh hợp, tỉnh Nghệ An.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An tham gia phiên tòa: Bà Vũ Thị Lý - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2018, tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Quỳnh Hợp, tỉnh Nghệ An, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 07/2018/TLST - DS, ngày 19 tháng 6 năm 2018 Về tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/ 2018/QĐXX – ST, ngày 02 tháng 11 năm 2018 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Anh Nguyễn Phi H, năm 1987.

Địa chỉ: Xóm MH, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Th, sinh năm 1986

Địa chỉ: Xóm M H, xã M, huyện Q, tỉnh Nghệ An. (Vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 06/6/2018, lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn anh Nguyễn Phi H trình bày: Ngày 24/01/2016, anh Nguyễn Hữu Th đã vay của anh số tiền 120.000.000,đ, lãi suất 1%/tháng. Hẹn trả tiền vào tháng 10/2016. Số tiền này hiện nay đã quá hạn nhưng anh Th chưa trả. Do đòi nợ nhiều lần nhưng anh Th không chịu trả. Do đó, anh làm đơn yêu cầu Tòa

án giải quyết buộc anh Th phải trả cho anh số tiền 120.000.000,đ và lãi suất 1%/tháng tính từ tháng 1/2016 cho đến thời điểm xét xử. Ngoài ra, trong quá trình giải quyết vụ án thì H còn trình bày: Vào cuối năm 2016, thì anh Nguyễn Hữu Th có nhờ bà M (là mẹ đẻ của anh Th) trả cho anh 20.000.000,đ và anh Th có nhờ bạn là anh Nguyễn Công H trả số tiền 10.000.000,đ (trả vào cuối năm 2017). Tổng là 30.000.000,đ, nhưng cả hai khoản tiền này là trừ nợ vào khoản vay của giấy vay tiền đề ngày 14/5/2015 số tiền là 33.000.000,đ. Chứng cứ khởi kiện anh Nguyễn Phi H cung cấp gồm: 01 giấy vay tiền đề ngày 14/5/2015; 01 giấy vay tiền đề ngày 24/01/2016.

Bị đơn: Anh Nguyễn Hữu Th trình bày: Vào đầu năm 2015, anh có vay của anh Nguyễn Phi H số tiền 100.000.000,đ nhưng trên thực tế thì anh H chỉ đưa cho anh 90.000.000,đ, hẹn 20 ngày sẽ thanh toán số tiền vay. Đến hạn trả nợ nhưng anh không có tiền trả cho anh H nên hai bên đã làm giấy vay số tiền 100.000.000,đ, lãi suất quy định 2%/ tháng. Sau đó, anh không có tiền trả cho anh H, nên anh H làm giấy vay tiền và tính cả khoản tiền lãi vào trong số tiền đó, tính cả tiền nợ gốc và tiền lãi là 120.000.000,đ. Đến cuối năm 2016, anh đã nhờ mẹ đẻ (bà Trương Thị M) trả cho anh H 20.000.000,đ và nhờ bạn là (anh Nguyễn Công H) trả cho anh H 10.000.000,đ và anh tự trả cho anh H hai lần (13.000.000,đ và 20.000.000,đ = 33.000.000,đ). Tổng hai đợt anh đã thanh toán cho anh H là 63.000.000,đ. Nay anh H khởi kiện anh chỉ chấp nhận trả số tiền 57.000.000,đ và tính lãi suất 1%/tháng.

Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Quỳnh Hợp tại phiên tòa: Về việc giải quyết vụ án của Thẩm phán và Hội đồng xét xử: Kể từ khi thụ lý vụ án cho đến khi ra quyết định đưa vụ án ra xét xử; quá trình hỏi, tranh luận tại phiên tòa đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật. Nguyên đơn và bị đơn đã chấp hành đầy đủ các giấy triệu tập của Tòa án.

Đề nghị HĐXX: Căn cứ Điều 145, 146, 463, 465, 466, 468, 470 Bộ luật dân sự; khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Buộc anh Nguyễn Hữu Th phải thanh toán cho anh Nguyễn Phi H số tiền nợ gốc là 90.000.000,đ và tiền lãi là: 34.920.000,đ. Tổng cả tiền nợ gốc và tiền lãi là 124.920.000,đ.

Về án phí: Anh Th phải chịu án phí DSST; Anh H phải chịu án phí đối với số tiền không được chấp nhận 30.000.000,đ. Hoàn trả cho anh H số tiền tạm phí đã nộp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên toà; Căn cứ vào lời khai các đương sự, kết quả tranh luận tại phiên toà. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Anh Nguyễn Phi H khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Hữu Th phải thanh toán số tiền nợ gốc là 120.000.000,đ và yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng, tính từ tháng 1/2016 cho đến thời điểm xét xử. Đây là vụ án tranh chấp hợp đồng dân sự, quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Căn cứ anh Nguyễn Phi H khởi kiện gồm:

- Giấy vay nợ đề ngày 14/5/2015, có nội dung: “Ngày 14/5/2015 anh Nguyễn Hữu Th vay “H L” 33.000.000,đ với lãi suất 2%/ tháng”. Người cho vay “Nguyễn Phi H” người vay “Nguyễn Hữu Th” (giấy vay tiền này đã được gạch chéo).

- Giấy vay nợ đề ngày 24/01/2016, có nội dung: “MH, M, Q, Nghệ An, ngày 24/01/2016, anh Nguyễn Hữu Th, thường trú tại xóm MH, M, Q, Nghệ An có vay anh “HL” số tiền 120.000.000,đ. Hẹn đến ngày 15/10/2016 thì hoàn trả lãi suất 1,5%/tháng. Người cho vay “Nguyễn Phi H”, người vay “Nguyễn Hữu Th”.

[3] Xét chứng cứ do anh Nguyễn Phi H cung cấp thấy rằng:

- Thứ nhất: Giấy vay nợ đề ngày 14/5/2015 do anh H cung cấp, số tiền là 33.000.000,đ trong giấy này không ghi thời hạn thanh toán tiền và đã được gạch chéo, anh H cũng đã thừa nhận hai bên đã thanh toán xong mới gạch chéo, (hết giá trị), như vậy chứng cứ này không có giá trị tại thời điểm xem xét giải quyết vụ án.

-Thứ hai: Giấy vay nợ đề ngày 24/01/2016, là chứng cứ anh H xuất trình làm căn cứ khởi kiện để yêu cầu anh Nguyễn Hữu Th phải thanh toán số tiền 120.000.000,đ. Xét giấy vay nợ này thấy rằng: Ngày 24/01/2016, thì giữa anh Nguyễn Phi H và anh Nguyễn Hữu Th mới ký kết với nhau về việc vay số tiền 120.000.000,đ. Anh H thừa nhận vào cuối năm 2016, thì anh Th đã nhờ bà Trương Thị M (là mẹ đẻ của anh Th) trả cho anh Hảo 20.000.000,đ, cuối năm 2017, thì anh Th đã nhờ bạn là (anh Nguyễn Công H) trả cho anh Hảo 10.000.000,đ, nhưng anh H cho rằng hai khoản tiền đó anh Th trả nợ để trừ vào số tiền vay của giấy vay tiền đề ngày 14/5/2015 là không có căn cứ. Bởi vì: giấy vay tiền (14/5/2015) đã được gạch chéo, không ghi ngày trả tiền, chứng tỏ hai bên đã thanh toán xong. Mặt khác, trong giấy vay tiền đề ngày (14/5/2015) số tiền vay là 33.000.000,đ, nhưng số tiền do hai bên công nhận là bà M và anh H trả chỉ có 30.000.000,đ và số tiền trả thành hai đợt khác nhau (cuối năm 2016 trả 20.000.000,đ và cuối năm 2017 trả 10.000.000,đ) anh H không chứng minh được gạch giấy vay nợ đó vào thời điểm nào. Ngoài ra, tại phiên tòa, anh H cũng khẳng định khi hai bên lập giấy vay tiền đề ngày 24/01/2016, thì trước đó giữa anh và anh Th không còn khoản nợ nào nữa.

Như vậy, có căn cứ để chấp nhận yêu cầu của anh Nguyễn Hữu Th về số tiền đã thanh toán cho anh Nguyễn Phi H 30.000.000,đ. Số tiền còn lại buộc anh Nguyễn Hữu Th phải thanh toán cho anh Nguyễn Phi H là $(120.000.000,đ - 30.000.000,đ = 90.000.000,đ)$. Căn cứ vào các điều 463, 466 Bộ luật dân sự để buộc anh Nguyễn Hữu Th phải thanh toán cho anh Nguyễn Phi H số tiền 90.000.000,đ là có cơ sở.

[4] Đối với yêu cầu của anh Nguyễn Hữu Th cho rằng đã thanh toán cho anh Nguyễn Phi H số tiền 33.000.000,đ, nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh. Anh Nguyễn Phi H không công nhận việc anh Th trả số tiền 33.000.000,đ. Do đó không có căn cứ để xem xét.

[5] Đối với việc tính lãi suất: Trong quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Phi H yêu cầu tính lãi suất 1%/tháng, anh Nguyễn Hữu Th chấp nhận mức lãi suất 1%/tháng. Mức lãi suất này phù hợp với quy định của pháp luật do đó cần áp dụng điều 145, 146, 468 Bộ luật dân sự để xem xét giải quyết. Tiền lãi tính như sau: Từ ngày 24/01/2016 đến ngày 30/12/2016 là 120.000.000,đ x 1%/1 tháng x 11 tháng 6 ngày = 13.440.000,đ. Hai bên công nhận trả 20.000.000,đ vào cuối năm 2016 và cuối năm 2017 trả 10.000.000,đ (căn cứ để tính lãi là từ ngày 31/12/2016 đến ngày 30/12/2017 là 12 tháng $(120.000.000,đ - 20.000.000 = 100.000.000,đ \times 1\%/tháng \times 12 \text{ tháng}) = 12.000.000,đ$; Từ ngày 31/12/2017 đến ngày (xét xử ngày 15/11/2018) là 10 tháng 16 ngày $(100.000.000,đ - 10.000.000,đ = 90.000.000,đ \times 1\%/ tháng \times 10 \text{ tháng } 16 \text{ ngày}) = 9.480.000,đ$. Tổng tiền lãi là: 34.920.000,đ (Ba mươi tư triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng).

[6] Đối với anh Nguyễn Hữu Th, mặc dầu đã được Tòa án tổng đạt quyết định đưa vụ án ra xét xử hợp lệ, nhưng anh Th vẫn cố tình vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do. Do đó, cần áp dụng khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt đối với anh Th.

[7] Về án phí: Căn cứ vào khoản 1 Điều 147 BLTTDS; Khoản 4 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội, anh Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm đối với phần yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận.

Anh Nguyễn Phi H phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm đối với số tiền 30.000.000,đ (Ba mươi triệu đồng) không được Tòa án chấp nhận.

Vì các lẽ trên

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 3 Điều 26; Khoản 1 Điều 147, khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 4 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội; Các điều 145, 146, 463, 464, 466, 468 Bộ luật dân sự; Xử:

[1] Buộc anh Nguyễn Hữu Th phải thanh toán cho anh Nguyễn Phi H số tiền nợ gốc là 90.000.000,đ và tiền lãi là: 34.920.000,đ. Tổng cả tiền nợ gốc và tiền lãi là: 124.920.000,đ (Một trăm hai tư triệu chín trăm hai mươi ngàn đồng).

[2] Về án phí: anh Nguyễn Hữu Th phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 6.246.000,đ (Sáu triệu hai trăm bốn mươi sáu ngàn đồng). Anh Nguyễn Phi H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là: 1.500.000,đ (Một triệu năm trăm ngàn đồng). Được khấu trừ trong số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 3.480.000,đ (Ba triệu bốn trăm tám mươi ngàn đồng). Hoàn trả cho anh Nguyễn Phi H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.980.000,đ (Một triệu chín trăm tám mươi ngàn đồng), theo biên lai số 0007091 ngày 19/6/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Quỳnh Hợp.

Kể từ ngày anh Nguyễn Phi H có đơn yêu cầu thi hành án. Nếu anh Nguyễn Hữu Th chưa thi xong khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu một khoản tiền lãi theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Trường hợp bản án, được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 luật Thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt nguyên đơn. Vắng mặt bị đơn. Nguyên đơn đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bên vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Nghệ An;
- VKSND huyện Quỳnh Hợp;
- Chi cục THADS huyện Quỳnh Hợp;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

TM/ HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Cao Thị Nghệ

